MỤC LỤC[1]

Phần I QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 3

Điều 2. Vốn NSNN cho đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư bao gồm 4

Điều 3. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN 4

Phần II QUY ĐỊNH CỤ THỂ 5

A. PHÂN BỔ, THẨM TRA PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ 5

Điều 4. Điều kiện và nguyên tắc phân bổ vốn 5

Điều 5. Thẩm tra phân bổ vốn đầu tư 7

Điều 6. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư 7

B. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ 8

Điều 7. Mở tài khoản 8

Điều 8. Tài liệu cơ sở của dự án 8

Điều 9. Thanh toán vốn đầu tư 10

Điều 10. Thanh toán tạm ứng 10

Điều 11. Thanh toán khối lượng hoàn thành 12

Điều 12. Nguyên tắc kiểm soát thanh toán của Kho bạc nhà nước 15

Điều 13. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án được thực hiện như sau 16

Điều 14. Quy định kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn đầu tư XDCB (gồm cả vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch hàng năm và vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau) 17

C. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẶC THÙ 18

Điều 15. Công trình bí mật nhà nước 18

Điều 16. Công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp 19

Điều 17. Công trình tạm 20

D. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ 20

Điều 18. Sử dụng vốn 20

[1] Biên soạn Daipv78@gmail.com

Điều 19. Lập kế hoạch, phân bổ và thẩm tra phân bổ vốn 21
Điều 20. Tạm ứng, thanh toán vốn 21
E. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA 22
Điều 21. Báo cáo 22
Điều 22. Quyết toán vốn đầu tư 22
Điều 23. Kiểm tra 22
F. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN . 23
Điều 24. Đối với chủ đầu tư 23
Điều 25. Đối với các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện 23
Điều 26. Đối với cơ quan Tài chính các cấp 24
Điều 27. Đối với Kho bạc nhà nước 24
Phần III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 25
Điều 28. Xử lý chuyển tiếp 25
Điều 29. Điều khoản thi hành 26
HỆ THỐNG MẪU BIỂU BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ 27
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ 27
Phụ lục số 01 28
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 28
Phụ lục số 02 31
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 31
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN 34
Phụ lục số 03.b 36
BẢNG KÊ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ 36
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐÃ THỰC HIỆN 36
Phụ lục 04 37
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN 37
Phụ lục 05 39
GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ 39
PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC 42
Phụ lục số 06 44
BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM... 44

BỘ TÀI CHÍNH ---------- Số: 86/2011/TT-BTC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2011*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước

---

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo các Nghị định: số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000, số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) như sau:

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư áp dụng cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN (sau đây gọi chung là dự án) do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức chính

trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước (sau đây gọi chung là Bộ), các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) và các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) quản lý; bao gồm cả các dự án đầu tư có nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó nếu nguồn vốn đầu tư từ NSNN có tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức vốn đầu tư của dự án hoặc nguồn vốn đầu tư từ NSNN không chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức vốn đầu tư nếu các bên thoả thuận về phương thức quản lý theo nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này không áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; và không áp dụng cho các dự án đầu tư thuộc ngân sách cấp xã (bao gồm cả xã thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới); các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài; dự án mua sở hữu bản quyền.

Đối với một số khoản chi đầu tư phát triển khác từ NSNN (chi dự trữ nhà nước, chi hỗ trợ vốn lưu động cho doanh nghiệp, chi góp vốn cổ phần liên doanh, chi cho nước ngoài vay và viện trợ nước ngoài, chi cho các quỹ hỗ trợ phát triển) thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng của từng loại chi nói trên.

Đối với các dự án đầu tư từ các nguồn vốn khác của Nhà nước ngoài nguồn NSNN khuyến khích vận dụng những nguyên tắc thanh toán theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN.

Điều 2. Vốn NSNN cho đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư bao gồm

- Vốn trong nước của các cấp NSNN;

- Vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ và vốn viện trợ của nước ngoài cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước (phần ngân sách nhà nước).

Điều 3. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN

- Cơ quan Kho bạc nhà nước được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN.

- Một số cơ quan, đơn vị khác được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN cho một số dự án đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Các tổ chức ngân hàng thương mại là ngân hàng phục vụ đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Phần II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. PHÂN BỔ, THẨM TRA PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ

Điều 4. Điều kiện và nguyên tắc phân bổ vốn

1. Các dự án đầu tư được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN hàng năm khi có đủ các điều kiện sau:

- Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: phải phù hợp với quy hoạch phát triển ngành và lãnh thổ được duyệt theo thẩm quyền.

- Đối với các dự án thực hiện đầu tư: phải có quyết định đầu tư từ thời điểm trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch. Thời gian và vốn bố trí để thực hiện các dự án nhóm B không quá 5 năm, các dự án nhóm C không quá 3 năm.

2. Đối với vốn đầu tư thuộc Trung ương quản lý: Sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách hàng năm, các Bộ phân bổ kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý đã đủ các điều kiện quy định, đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế; mức vốn các dự án quan trọng của Nhà nước, dự án nhóm A và đúng với Nghị quyết Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ về điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN hàng năm.

3. Đối với vốn đầu tư thuộc địa phương quản lý: Ủy ban nhân dân các cấp lập phương án phân bổ vốn đầu tư trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phân bổ và quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý đã đủ các điều kiện quy định, đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế; mức vốn các dự án quan trọng của Nhà nước và đúng với Nghị quyết Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ về điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN hàng năm. Riêng đối với các dự án được đầu tư bằng các nguồn vốn được để lại theo Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có) và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn phải tuân thủ các quy định về đối tượng đầu tư và mục tiêu sử dụng của từng nguồn vốn đầu tư.

- Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án do tỉnh quản lý trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Phòng Tài chính Kế hoạch huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phân bổ vốn đầu tư cho từng dự án do huyện quản lý.

4. Các Bộ và Uỷ ban nhân dân các cấp phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Nguyên tắc phân bổ vốn cho các dự án trong kế hoạch năm:

- Đảm bảo các điều kiện của dự án tại điểm 1 và các quy định tại điểm 2 và điểm 3 điều 4 của Thông tư này.

- Bố trí tập trung vốn cho các dự án theo chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ về điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN; bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã đưa vào sử dụng và đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành mà còn thiếu vốn; bố trí vốn để thanh toán chi phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán của các dự án hoàn thành nhưng chưa được thanh toán do chưa phê duyệt quyết toán.

- Trường hợp dự án được bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư nhưng chỉ để làm công tác chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị thực hiện dự án thì cần ghi chú rõ trong bản phân bổ vốn.

6. Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các dự án phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

(Mẫu biểu phân bổ kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 01 kèm theo).

7. Sau khi phân bổ kế hoạch vốn đầu tư

- Các Bộ gửi kế hoạch vốn đầu tư về Bộ Tài chính và Kho bạc nhà nước (trung ương). Kho bạc nhà nước chuyển kế hoạch vốn các dự án (có chi tiết theo mã chương, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản)) của các Bộ về Kho bạc Nhà nước địa phương để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn;

- UBND các tỉnh gửi kế hoạch vốn đầu tư về Bộ Tài chính, đồng gửi Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước (tỉnh) để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn;

- UBND các huyện gửi kế hoạch vốn đầu tư về Sở Tài chính, đồng gửi Phòng Tài chính Kế hoạch và Kho bạc nhà nước (huyện) để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

- Đồng thời với việc gửi kế hoạch cho các cơ quan nêu trên, các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp giao chỉ tiêu kế hoạch cho các chủ đầu tư để thực hiện.

Điều 5. Thẩm tra phân bổ vốn đầu tư

1. Đối với dự án do các Bộ quản lý:

1.1. Sau khi nhận được kế hoạch phân bổ vốn đầu tư của các Bộ, Kho bạc nhà nước triển khai công tác kiểm soát thanh toán theo quy định. Trường hợp dự án không đủ thủ tục đầu tư, Kho bạc nhà nước không thanh toán.

1.2. Bộ Tài chính sẽ có ý kiến thẩm tra phân bổ gửi các Bộ trong thời hạn 5 ngày làm việc sau khi nhận được kế hoạch phân bổ vốn đầu tư của các Bộ. Trường hợp có dự án phân bổ không đúng quy định, Bộ Tài chính có ý kiến để Kho bạc nhà nước dừng thanh toán, nếu đã thanh toán thì thực hiện thu hồi số vốn đã thanh toán cho dự án đó. Các Bộ có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán và chịu trách nhiệm về hậu quả do việc phân bổ không đúng quy định gây ra.

2. Đối với dự án do các tỉnh, huyện quản lý:

Trong quá trình tham gia với các đơn vị liên quan về kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch đồng thời thực hiện luôn nhiệm vụ thẩm tra kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trước khi các cơ quan trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định. Căn cứ quyết định về kế hoạch vốn đầu tư của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định. Trường hợp có dự án không đủ thủ tục đầu tư, Kho bạc nhà nước không thanh toán và thông báo Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch để trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện xử lý.

3. Các tài liệu kèm theo kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phục vụ cho công tác thẩm tra phân bổ bao gồm:

- Đối với dự án chuẩn bị đầu tư chỉ cần có 1 trong các văn bản sau đây: + Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư;

+ Văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư;

+ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

- Đối với dự án thực hiện đầu tư: Quyết định đầu tư dự án (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

Điều 6. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư

1. Nguyên tắc:

- Định kỳ, các Bộ, địa phương rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án trong năm để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện sang các dự án thực hiện vượt tiến độ, còn nợ khối lượng, các dự án có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm.

- Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư từng dự án cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với các dự án thuộc ngân sách trung ương), gửi cơ quan tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương), các Bộ, địa phương chỉ đạo chủ đầu tư chốt thời điểm thanh toán và làm việc với Kho bạc nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn còn dư do không thực hiện được, đảm bảo cho kế hoạch của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc nhà nước đã thanh toán. Các Bộ, địa phương chịu trách nhiệm về số liệu giải ngân và số kế hoạch vốn điều chỉnh.

- Trường hợp sau khi đã điều chỉnh mà còn thừa vốn so với kế hoạch giao thì số vốn thừa được điều chỉnh cho đơn vị khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Các Bộ và các tỉnh thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, gửi cơ quan Tài chính đồng cấp và Kho bạc nhà nước để làm căn cứ thanh toán. Thời hạn điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm kết thúc chậm nhất là ngày 25 tháng 12 năm kế hoạch. Việc thẩm tra điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư thực hiện như Điều 5 của Thông tư.

(Mẫu biểu điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 02 kèm theo).

B. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 7. Mở tài khoản

1. Đối với vốn trong nước:

Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư và thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán của Kho bạc nhà nước và thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc nhà nước.

Kho bạc nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

2. Đối với vốn nước ngoài:

Chủ đầu tư được mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ hoặc tại Kho bạc nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 8. Tài liệu cơ sở của dự án

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của dự án (các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản

chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

1. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

2. Đối với dự án thực hiện đầu tư:

2.1. Đối với dự án vốn trong nước:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng);

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật).

2.2. Đối với dự án ODA: ngoài các tài liệu theo quy định nêu trên, cần có:

- Bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư: Điều ước quốc tế về ODA đã ký giữa Việt Nam và nhà tài trợ và các tài liệu liên quan đến việc thanh toán khác (nếu có). Riêng hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải là văn bản bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư (phần quy định về các điều kiện, điều khoản thanh toán và các nội dung liên quan trực tiếp đến việc thanh toán của hợp đồng). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung bản dịch tiếng Việt.

- Bảo lãnh tạm ứng (nếu có) theo quy định cụ thể của Hợp đồng (kể cả trường hợp dự án vốn trong nước nhưng do nhà thầu nước ngoài thi công).

3. Đối với công tác chuẩn bị đầu tư nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư cần có dự toán chi phí cho các công việc chuẩn bị đầu tư được duyệt.

4. Đối với công việc chuẩn bị thực hiện dự án nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án được duyệt; Riêng việc giải phóng mặt bằng phải kèm theo phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật);.

5. Đối với trường hợp tự thực hiện:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật).

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

- Văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ;

Điều 9. Thanh toán vốn đầu tư

Nhà nước cấp vốn cho chủ đầu tư để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng hoặc thanh toán cho các công việc của dự án thực hiện không thông qua hợp đồng, bao gồm:

- Thanh toán tạm ứng;

- Thanh toán khối lượng hoàn thành.

Điều 10. Thanh toán tạm ứng

Việc tạm ứng vốn của chủ đầu tư cho nhà thầu chỉ cho các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định rõ đối tượng, nội dung và công việc cụ thể trong hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hợp đồng cụ thể như sau:

1. Mức vốn tạm ứng:

1.1. Đối với hợp đồng thi công xây dựng:

- Hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

1.2. Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

1.3. Đối với hợp đồng tư vấn:

Mức tạm ứng tối thiểu bằng 25% giá trị hợp đồng.

1.4. Mức tạm ứng tối đa của các loại hợp đồng trên là 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép.

1.5. Đối với công việc giải phóng mặt bằng:

Mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng. Các Bộ và Uỷ ban nhân dân các cấp phải bố trí đủ vốn cho công tác giải phóng mặt bằng.

1.6. Ngoài mức vốn ứng tối đa theo các hợp đồng nêu trên, đối với một số cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ thi công và một số loại vật tư phải dự trữ theo mùa, mức vốn tạm ứng theo nhu cầu cần thiết và do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu.

1.7. Mức vốn tạm ứng cho tất cả các khoản quy định từ điểm 1.1 đến điểm 1.6 nêu trên không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu, dự án.

1.8. Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực; trường hợp trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng thì nhà thầu phải có bảo lãnh khoản tiền tạm ứng.

2. Thu hồi vốn tạm ứng:

2.1. Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

2.2. Đối với công việc giải phóng mặt bằng:

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

- Đối với việc mua nhà tái định cư và các công việc giải phóng mặt bằng khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc giải phóng mặt bằng.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu sử dụng sai mục đích chủ đầu tư có trách nhiệm cùng Kho bạc nhà nước thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

4. Hồ sơ thanh toán tạm ứng:

Để được thanh toán tạm ứng, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc nhà nước các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyển tiền;

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng), chủ đầu tư gửi Kho bạc nhà nước bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.

5. Nhà nước cấp vốn cho chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ đầu tư có thể được thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

Điều 11. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng.

1.1. Đối với hợp đồng trọn gói:

Thanh toán theo tỉ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng.

1.2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng.

1.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thoả thuận trong của hợp đồng.

1.4. Đối với hợp đồng theo thời gian:

- Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

- Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

1.5. Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%):

Thanh toán theo tỷ lệ (%) của giá hợp đồng. Tỷ lệ (%) cho các lần thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu số tiền bằng tỷ lệ (%) giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được quy định trong hợp đồng.

1.6. Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng:

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định tại khoản 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 trên đây.

1.7. Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng:

Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung công việc phát sinh thì chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

a) Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá

mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh;

b) Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán;

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian thì khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Pháp lệnh giá có biến động bất thường hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng;

d) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

e) Đối với hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo tỷ lệ (%): trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng mà không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành;

1.8. Hồ sơ thanh toán:

Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 03.a kèm theo).

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 04 kèm theo).

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc thanh toán tạm ứng - phụ lục số 05 kèm theo.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng:

- Đối với các công việc của dự án được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, trường hợp tự làm,...), việc thanh toán trên cơ sở bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc. Hồ sơ thanh thanh toán bao gồm: bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

- Đối với chi phí đền bù, bồi thường hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng đã thực hiện (phụ lục số 03.b kèm theo); hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng). Riêng chi phí cho công tác tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng phải có dự toán được duyệt; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

Đối với công tác đền bù, bồi thường hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

Điều 12. Nguyên tắc kiểm soát thanh toán của Kho bạc nhà nước

1. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình; Kho bạc nhà nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc nhà nước căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

2. Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc "thanh toán trước, kiểm soát sau" cho từng lần thanh toán và "kiểm soát trước, thanh toán sau" đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Căn cứ vào nguyên tắc này, Kho bạc nhà nước hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát thanh toán trong hệ thống Kho bạc nhà nước, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với trường hợp "kiểm soát trước, thanh toán sau" và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp "thanh toán trước, kiểm soát sau" kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Kho bạc nhà nước kiểm soát, cấp vốn thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

4. Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

5. Các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nếu Điều ước quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có những quy định về quản lý thanh toán, quyết toán vốn khác với các quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước quốc tế.

6. Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Riêng đối với dự án ODA việc thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành, không bị hạn chế bởi kế hoạch tài chính hàng năm của dự án nhưng không vượt quá kế hoạch tài chính chung của toàn dự án.

7. Đối với một số dự án đặc biệt quan trọng cần phải có cơ chế tạm ứng, thanh toán vốn khác với các quy định trên đây, sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 13. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án được thực hiện như sau

1. Việc ứng trước dự toán ngân sách năm sau được thực hiện theo quy định của khoản 3, điều 57 Luật NSNN số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 và điều 61 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN và Thông tư số 59/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003.

2. Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước, các Bộ, ngành và địa phương phân bổ đúng danh mục đã được giao. Bộ Tài chính thông báo cho Bộ, ngành và địa phương về danh mục, tổng mức ứng, nguồn vốn ứng, niên độ ứng và thu hồi, đồng gửi Kho bạc nhà nước để thanh toán cho dự án. Trường hợp các

Bộ, ngành và địa phương phân bổ sai danh mục và mức vốn ứng theo thông báo của Bộ Tài chính thì Kho bạc nhà nước dừng thanh toán đồng thời báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý.

3. Thời hạn thanh toán: thực hiện như thời hạn thanh toán vốn đầu tư trong kế hoạch năm. Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời hạn thanh toán, Kho bạc nhà nước làm thủ tục huỷ bỏ mức vốn ứng trước chưa sử dụng.

4. Thu hồi vốn: các Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm bố trí kế hoạch vốn cho dự án trong dự toán ngân sách năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Khi thẩm tra phân bổ vốn đầu tư trong kế hoạch hàng năm. Đối với vốn ngân sách trung ương Bộ Tài chính đồng thời thông báo thu hồi vốn ứng trước, số thu hồi tối đa bằng mức vốn đã được ứng trước, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Trường hợp các Bộ không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn thu hồi theo quy định, Bộ Tài chính thu hồi vốn ứng bằng cách trừ vào dự toán chi đầu tư được giao của Bộ và có văn bản thông báo cho Bộ đó biết để phối hợp thực hiện. Đối với vốn ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, trường hợp Uỷ ban nhân dân các cấp không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn thu hồi theo quy định, Kho bạc nhà nước địa phương thông báo cho Sở Tài chính, Phòng Tài chính kế hoạch để báo cáo Uỷ ban nhân dân các cấp bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định.

5. Quyết toán vốn: Thời hạn quyết toán vốn ứng trước theo thời hạn được bố trí vốn để thu hồi. Trường hợp dự án được thu hồi vốn ứng theo thời kỳ một số năm thì số vốn thu hồi của kế hoạch năm nào được quyết toán vào niên độ ngân sách năm đó, số vốn đã thanh toán nhưng chưa bố trí để thu hồi được chuyển sang năm sau quyết toán phù hợp với kế hoạch thu hồi vốn.

Điều 14. Quy định kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn đầu tư XDCB (gồm cả vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch hàng năm và vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau)

1. Hết ngày 31 tháng 01 năm sau, kế hoạch vốn đã giao cho các dự án chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết không được chi tiếp và bị huỷ bỏ; trừ các trường hợp được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định cho kéo dài. Các trường hợp thuộc diện được xem xét, quyết định cho kéo dài sang năm sau theo quy định tại điểm a, mục 3, khoản I Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Việc xét chuyển vốn kéo dài của các dự án được thực hiện như sau:

Sau khi kết thúc thời hạn thanh toán vốn hàng năm theo quy định (ngày 31/1 năm sau), căn cứ vào tình hình thực hiện và thanh toán vốn của các dự án đầu tư

XDCB, theo đề nghị của chủ đầu tư các dự án thuộc đối tượng nêu tại điểm 14.1 nêu trên, cơ quan chủ quản tổng hợp, có văn bản đề nghị kèm theo xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi dự án mở tài khoản về số vốn đã thanh toán đến hết ngày 31 tháng 1 năm sau (theo phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Bộ Tài chính (đối với các dự án thuộc ngân sách trung ương) và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương).

3. Thời hạn kéo dài thực hiện và thanh toán: không quá 1 năm sau năm kế hoạch. Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Thời gian xét chuyển kéo dài:

- Văn bản đề nghị kéo dài của các cơ quan chủ quản được gửi trước ngày 15 tháng 2 hàng năm, trong đó cần ghi rõ tên dự án, kế hoạch vốn năm, số vốn đã thanh toán đến hết 31/1 năm sau, số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán, thời gian kéo dài, lý do kéo dài.

- Căn cứ văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản, Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với các dự án thuộc ngân sách trung ương) và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương) quyết định danh mục, thời hạn các dự án đầu tư được phép kéo dài.

- Việc quyết định danh mục, thời hạn các dự án được phép kéo dài kết thúc trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

Hết ngày 15 tháng 3 năm sau, các trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp nhận cho kéo dài thực hiện kế hoạch sang ngân sách năm sau chi tiếp thì số vốn còn lại bị huỷ bỏ.

C. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẶC THÙ

Điều 15. Công trình bí mật nhà nước

1. Loại công trình bí mật nhà nước theo quy định tại điều 2 Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình bí mật nhà nước thực hiện theo Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Việc phân bổ và thẩm tra phân bổ vốn đầu tư; kiểm soát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các công trình bí mật nhà nước thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN. Riêng đối với các dự án bí mật nhà nước do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý, Bộ Tài chính chuyển vốn trực tiếp cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để tiếp nhận, quản lý cấp phát, thanh quyết toán vốn đầu tư cho các dự án.

2. Phân bổ và thẩm tra phân bổ vốn đầu tư:

- Việc phân bổ và thẩm tra phân bổ vốn đầu tư thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN, trong đó phân rõ danh mục và vốn của các dự án bí mật nhà nước.

- Đối với các dự án bí mật nhà nước do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý, Bộ Tài chính thẩm tra việc phân bổ gửi Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án.

3. Chuyển vốn, thanh toán vốn:

- Việc thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng mở tài khoản tiền gửi tại Sở Giao dịch Kho bạc nhà nước để tiếp nhận nguồn vốn do Bộ Tài chính chuyển sang để thanh toán cho các dự án bí mật nhà nước do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý. Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm và tiến độ thực hiện của các dự án, Bộ Tài chính chuyển vốn cho Bộ Công an, Bộ Quốc phòng bằng hình thức lệnh chi tiền. Số vốn chuyển từng đợt căn cứ vào báo cáo tiến độ thực hiện các dự án và văn bản đề nghị chuyển vốn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. Sau ngày 31 tháng 01 năm sau, số dư trên tài khoản tiền gửi phải nộp trả ngân sách nhà nước.

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án bí mật nhà nước theo đúng quy định về kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư.

- Đối với các dự án bí mật nhà nước của các Bộ, ngành khác và các tỉnh quản lý, Kho bạc nhà nước chỉ nhận chứng từ rút vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư mà không kiểm soát về nội dung. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội dung thanh toán.

- Hết năm kế hoạch, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn; xác nhận số vốn đã thanh toán trong năm, luỹ kế số vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ NSNN cho từng dự án; nhận xét về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, chấp hành các chế độ chính sách về tài chính.

Điều 16. Công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp

1. Loại công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp theo quy định tại điều 2 Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình theo lệnh khẩn cấp thực hiện theo Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

2. Thanh toán vốn:

2.1- Thanh toán tạm ứng: Mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN. Hồ sơ để thanh toán tạm ứng vốn bao gồm:

- Quyết định xây dựng công trình khẩn cấp của người có thẩm quyền;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyển tiền.

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng);

2.2- Thanh toán khối lượng hoàn thành: thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN.

Điều 17. Công trình tạm

1. Loại công trình tạm theo quy định tại điều 2 Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

2. Thanh toán vốn:

Việc quản lý tạm ứng, thanh toán vốn cho các công trình tạm được thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN và bổ sung như sau:

Trường hợp đối với các công trình có quy mô lớn, phức tạp mà chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được lập dự toán thì kiểm soát thanh toán theo dự toán được duyệt; ngoài các hồ sơ tài liệu của dự án, hồ sơ thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt kèm theo dự toán được duyệt, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, chứng từ chuyển tiền.

Trường hợp chi phí lán trại, nhà ở, nhà điều hành thi công trên công trường được tính theo tỷ lệ % trong hợp đồng xây dựng thì được thanh toán theo tỷ lệ quy định và thanh toán theo hợp đồng không thực hiện theo quy định trên.

D. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ

Điều 18. Sử dụng vốn

Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong dự toán NSNN của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp chỉ được sử dụng cho các trường hợp đầu tư cải tạo mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp). Không bố trí vốn sự nghiệp cho các dự án đầu tư mới.

Điều 19. Lập kế hoạch, phân bổ và thẩm tra phân bổ vốn

Việc lập kế hoạch, phân bổ, thẩm tra phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật NSNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với vốn sự nghiệp.

Điều 20. Tạm ứng, thanh toán vốn

1. Tài liệu cơ sở:

- Các dự án có mức vốn từ 1 tỷ đồng trở lên, tài liệu cơ sở như đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Các dự án có mức vốn dưới 01 tỷ đồng, tài liệu cơ sở bao gồm:

+ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật và quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc dự toán và quyết định phê duyệt thiết kế-dự toán (không bắt buộc phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch);

+ Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

+ Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

2. Tạm ứng vốn:

- Đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỉ đồng trở lên, mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn ứng được thực hiện như đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Đối với các dự án có tổng mức vốn dưới 01 tỉ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 30% giá trị hợp đồng hoặc dự toán được duyệt. Vốn tạm ứng được thu hồi dần vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng hoặc dự toán được duyệt.

- Hồ sơ tạm ứng vốn gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Chứng từ chuyển tiền, Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng).

- Việc quản lý tạm ứng vốn được thực hiện theo quy định tại Điều 10 trên đây.

3. Thanh toán vốn:

- Đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỉ đồng trở lên, việc kiểm soát, thanh toán vốn thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư nguồn ngân sách nhà nước.

- Đối với các dự án có tổng mức vốn dưới 01 tỉ đồng, việc kiểm soát, thanh toán vốn thực hiện theo quy định hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

4. Chế độ báo cáo, quyết toán và kiểm tra.

Thực hiện như quy định đối với vốn sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Riêng việc quyết toán đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỉ đồng trở lên, thực hiện như quy định đối với vốn đầu tư theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

E. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA

Điều 21. Báo cáo

1. Đối với các chủ đầu tư, các Bộ và các tỉnh: thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước, Thông tư số 05/2007/TT-BKH ngày 9/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007; Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình dự án ODA.

2. Đối với Kho bạc nhà nước:

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

- Kết thúc năm kế hoạch, Kho bạc nhà nước tổng hợp số liệu thanh toán vốn đầu tư báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định về quyết toán ngân sách nhà nước.

- Hết năm kế hoạch, Kho bạc nhà nước xác nhận số thanh toán trong năm, luỹ kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án do chủ đầu tư lập.

Điều 22. Quyết toán vốn đầu tư

Việc quyết toán vốn đầu tư hàng năm và quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quyết toán vốn đầu tư.

Trường hợp quyết toán đã được duyệt, nếu số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi lại của nhà thầu để hoàn trả cho Nhà nước số vốn thanh toán thừa; nếu số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp hoặc bố trí vốn vào kế hoạch năm sau để thanh toán cho nhà thầu.

Điều 23. Kiểm tra

Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

Cơ quan Tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

F. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 24. Đối với chủ đầu tư

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển.

2. Thực hiện việc nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng.

3. Chủ đầu tư bố trí đủ vốn trong kế hoạch hàng năm để mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định.

4. Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

5. Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc nhà nước và cơ quan Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

6. Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn cho các nhà thầu.

7. Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành. Hết năm kế hoạch, lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư năm gửi Kho bạc nơi chủ đầu tư giao dịch để xác nhận (theo mẫu biểu tại phụ lục số 06).

8. Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn.

Điều 25. Đối với các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước.

2. Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và pháp luật nhà nước về những quyết định của mình.

Điều 26. Đối với cơ quan Tài chính các cấp

1. Đảm bảo đủ nguồn vốn theo quy định của Bộ Tài chính để Kho bạc nhà nước thanh toán cho các dự án.

2. Thực hiện quy định về báo cáo, quyết toán vốn đầu tư.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước.

4. Được quyền yêu cầu Kho bạc nhà nước, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư phát triển, bao gồm các tài liệu phục vụ cho thẩm định dự án đầu tư và bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, các tài liệu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

Điều 27. Đối với Kho bạc nhà nước

1. Hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn đầu tư.

2. Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định.

3. Ban hành quy trình thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư để thực hiện thống nhất trong hệ thống Kho bạc nhà nước. Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ, thanh toán kịp thời, đầy đủ, thuận tiện cho chủ đầu tư nhưng đảm bảo đơn giản thủ tục hành chính và quản lý chặt chẽ vốn đầu tư của Nhà nước.

4. Có ý kiến rõ ràng bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các thắc mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn.

5. Kho bạc nhà nước chỉ kiểm soát thanh toán trên cơ sở các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, định mức, đơn giá chất lượng công trình. Trường hợp phát hiện quyết định của các cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành, phải có văn bản đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời gian quy định mà không được trả lời thì được quyền giải quyết theo đề xuất của mình; nếu được trả lời mà xét thấy không thoả đáng thì vẫn giải quyết theo ý kiến của cấp có thẩm quyền, đồng thời phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan Tài chính để xem xét, xử lý.

6. Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

7. Đôn đốc chủ đầu tư thanh toán dứt điểm công nợ khi dự án đã quyết toán và tất toán tài khoản.

8. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư theo quy định.

9. Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát thanh toán vốn.

10. Định kỳ và đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư về tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư; Được phép tạm ngừng thanh toán vốn hoặc thu hồi số vốn mà chủ đầu tư sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính để xử lý.

11. Không tham gia vào các Hội đồng nghiệm thu ở các công trình, dự án.

12. Hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm, luỹ kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý (mẫu biểu theo phụ lục số 06).

13. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật của Nhà nước về việc nhận và thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Phần III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Xử lý chuyển tiếp

1. Các vấn đề liên quan đến mức tạm ứng vốn, thu hồi vốn ứng thực hiện theo đúng xử lý chuyển tiếp quy định tại khoản 1, điều 52 của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng. Những vấn đề về tạm ứng sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng, Kho bạc nhà nước thực hiện thanh toán theo đúng các điều khoản về tạm ứng vốn, thanh toán trong hợp đồng.

2. Riêng vấn đề về thanh toán quy định theo đối tượng là hợp đồng và các tài liệu, hồ sơ thanh toán theo Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng và các vấn đề sửa đổi bổ sung khác được thực hiện thống nhất cho mọi dự án từ ngày thông tư này có hiệu lực thi hành để đảm bảo thống nhất trong công tác kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của Kho bạc nhà nước.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành **từ ngày 05 tháng 8 năm 2011**, thay thế các Thông tư của Bộ Tài chính: số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007; số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007; số 88/2009/TT-BTC ngày 29/4/2009; số 209/2009/TT-BTC ngày 5/11/2009 hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Phạm Sỹ Danh

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; cơ quan TW của các đoàn thể; các Tổng Công ty nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT.

HỆ THỐNG MẪU BIỂU BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

TT	Phụ lục	Tên phụ lục
1	Phụ lục số 01	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc kế hoạch nhà nước năm…
2	Phụ lục số 02	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư phát triển thuộc kế hoạch nhà nước năm…
3	Phụ lục số 03.a	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán.
	Phụ lục số 03.b	Bảng kê xác định khối lượng công việc giải phóng mặt bằng đã thực hiện.
4	Phụ lục số 04	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán.
5	Phụ lục số 05	Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.
6	Phụ lục số 06	Bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư năm...

Bộ...(UBND tỉnh, thành phố)

Phụ lục số 01

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM . . . .

Đơn vị: Triệu đồng

Mã chương:

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)			Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Thu hồi vốn đã ứng trước	Cấp bằng lệnh chi tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số														
	Vốn trong nước														
	Vốn ngoài nước														
A	**Nguồn vốn XDCB tập trung (trong cân đối NSNN):**														
I	**Vốn chuẩn bị**														

	đầu tư														
1	Dự án . . .														
II	**Vốn thực hiện dự án**														
1	***Ngành . . .***														
1.1	*Dự án nhóm A*														
	Dự án . . .														
	Vốn trong nước														
	Vốn ngoài nước														
1.2	*Dự án nhóm B*														
1	Dự án . . .														
	Vốn trong nước														
	Vốn ngoài nước														
1.3	*Dự án nhóm C*														
1	Dự án . . .														
2	***Ngành . . .***														
B	**Nguồn vốn CTMT và hỗ trợ có mục tiêu…**														
1	Dự án														

C	**Nguồn vốn khác…..**															

Ghi chú : + Trong mỗi loại dự án (nhóm A,B,C) thuộc mục A chia ra hoàn thành, chuyển tiếp, khởi công mới

+ Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.

+ Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cột 4 và cột 5 ghi theo yêu cầu quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

+ Cột 6 chỉ ghi mã số khoản theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước.

+ Cột 13 phản ánh số vốn được phân bổ trong năm (bao gồm cả số vốn bố trí để thu hồi số vốn đã ứng trước dự toán ngân sách năm sau)

+ Cột 15 đối với các dự án được cấp theo hình thức lệnh chi tiền (ví dụ dự án A là 10 tỷ đồng được cấp theo hình thức lệnh chi tiền thì ngoài việc ghi đủ các cột thông tin ở các cột từ 1 đến 14 còn phải ghi 10 tỷ đồng ở cột 15.

…, ngày… tháng….năm 20…

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

(Ký, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cơ quan tài chính.

Bộ...(UBND tỉnh, thành phố)
Số...

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM . . . .

Mã chương:

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)			Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...			Số vốn đã thực hiện từ đầu năm đến nay	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư năm ...			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Thu hồi vốn đã ứng trước	Cấp bằng lệnh chi tiền			Thu hồi vốn đã ứng trước	Cấp bằng lệnh chi tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn ngoài nước																		
A	**Nguồn vốn XDCB tập trung**																		

	(trong cân đối NSNN):																		
I	**Vốn chuẩn bị đầu tư**																		
1	Dự án . . .																		
II	**Vốn thực hiện dự án**																		
1	***Ngành . . .***																		
1.1	*Dự án nhóm A*																		
	Dự án . . .																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn ngoài nước																		
1.2	*Dự án nhóm B*																		
1	Dự án . . .																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn ngoài nước																		
1.3	*Dự án nhóm C*																		
1	Dự án . . .																		
2	***Ngành . . .***																		
B	**Nguồn vốn CTMT, hỗ trợ có mục tiêu…**																		
1	Dự án																		

C	**Nguồn vốn khác…..**																		
1	Dự án …																		

Ghi chú: + Trong mỗi loại dự án (nhóm A,B,C) thuộc mục A chia ra hoàn thành, chuyển tiếp, khởi công mới

+ Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.

+ Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cột 4 và cột 5 ghi theo yêu cầu quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

+ Cột 6 chỉ ghi mã số khoản theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước

+ Cột 13 phản ánh số vốn đã được phân bổ trong năm (bao gồm cả số vốn số vốn bố trí để thu hồi số vốn đã ứng trong các năm trước năm kế hoạch)

+ Cột 17 phản ánh số vốn điều chỉnh trong năm (bao gồm cả số vốn số vốn bố trí để thu hồi số vốn đã ứng trong các năm trước năm kế hoạch)

+ Cột 15 và cột 19 đối với các dự án được cấp theo hình thức lệnh chi tiền (ví dụ dự án A là 10 tỷ đồng được cấp theo hình thức lệnh chi tiền thì ngoài việc ghi đủ các cột thông tin ở các cột tương ứng còn phải ghi 10 tỷ đồng ở cột 15 và cột 19).

…, ngày… tháng....năm 20…

Bộ trưởng (Chủ tịch UBND tỉnh)

(Ký, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cơ quan Tài chính;

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Tên dự án:
Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

Bên giao thầu:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:
Biên bản nghiệm thu số …..
ngày…..tháng…..năm.….

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Thực hiện		
				Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số:									

1. Giá trị hợp đồng:
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Chiết khấu tiền tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

+ Thanh toán tạm ứng:

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Số tiền bằng chữ:……...(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).

Luỹ kế giá trị thanh toán:

Ngày….. tháng….. năm 20…

Đại diện nhà thầu	**Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)**	**Đại diện chủ đầu tư**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Phụ lục số 03.b

BẢNG KÊ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Nội dung	QĐ phê duyệt phương án đền bù GPMB		Số tiền Hội đồng đền bù GPMB đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Số tiền		
1	2	3	4	5	6
I	**Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức:**				
	1……				
	2……				
II	**Thanh toán trực tiếp cho hộ dân:**				

Ngày .....tháng..... năm

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Đại diện chính quyền địa phương

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Hội đồng đền bù GPMB

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục 04

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Tên dự án:
Mã dự án:
Tên gói thầu:
Hợp đồng số ngày tháng năm
Bên giao thầu:
Bên nhận thầu:
Thanh toán lần thứ:
Căn cứ xác định:
Biên bản nghiệm thu số ….. ngày…..tháng…..năm
…..

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền		Ghi chú
			Tổng khối lượng phát sinh	Thực hiện					
				Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này		Luỹ kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số:								

1. Tổng giá trị khối lượng phát sinh:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Chiết khấu tiền tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

+ Thanh toán tạm ứng:

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Số tiền bằng chữ:……...(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

Luỹ kế giá trị thanh toán:

Ngày….. tháng….. năm 20…

Đại diện nhà thầu	**Đại diện tư vấn giám sát (nếu có)**	**Đại diện chủ đầu tư**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

Phụ lục 05

Chủ đầu tư:……
Số:…

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Kho bạc nhà nước ……..

Tên dự án, công trình:…….. Mã dự án đầu tư:……

Chủ đầu tư/Ban QLDA……mã số ĐVSDNS:…..

Số tài khoản của chủ đầu tư:
- Vốn trong nước……...tại :…….
- Vốn ngoài nước…… ..tại…….....

Căn cứ hợp đồng số:…….ngày…. tháng….. năm……

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số…….ngày……..tháng……..năm……

Luỹ kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán:……..…đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán……đồng.

Số tiền đề nghị:

Tạm ứng	Thanh toán

Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Thuộc nguồn vốn: (XDCB tập trung; CTMT….)…….....

Thuộc kế hoạch vốn: Năm…

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Luỹ kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán					
Cộng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:……..

Bằng chữ:…….

…….

Trong đó: - Thu hồi tạm ứng (bằng số):…….

+ Vốn trong nước…….

+ Vốn ngoài nước……

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số)…….

+ Vốn trong nước…….

+ Vốn ngoài nước……

Tên đơn vị thụ hưởng……

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng……tại …….

Ngày……. tháng….. năm….

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư……

Kho bạc nhà nước chấp nhận theo bảng dưới đây

Tạm ứng	Thanh toán

Theo nội dung sau:

(khung nào không sử dụng thì gạch chéo).

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD…

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
+ Mục…, tiểu mục…..			
+ Mục…, tiểu mục…..			
+ Mục…, tiểu mục…..			
+ Mục…, tiểu mục…..			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
+ Thuế giá trị gia tăng			
+…….			

+ Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do:			

Ghi chú:…….

……....

……....

Cán bộ thanh toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc KBNN

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 06

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM…

Tên dự án: Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm …	Số vốn đã thanh toán trong năm…			Tổng số vốn theo kế hoạch còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
A	**Số liệu của chủ đầu tư:**						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						

1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
B	**Số liệu của Kho bạc nơi giao dịch:**						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nươc						

2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
C	**Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:**						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3):						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nươc						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						

	Vốn ngoài nước						
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						

Ghi chú : + Số vốn thanh toán trong năm là số vốn được thanh toán theo niên độ NSNN theo quy định (đến hết 31/1năm sau).

+ Số vốn ứng trước kế hoạch năm sau là số vốn được thanh toán đến 31/1 năm sau.

+ Số vốn kéo dài KH năm trước chuyển sang:

- Vốn trong nước: là số vốn còn lại của KH năm trước được kéo dài thanh toán trong năm theo quy định cụ thể từng trường hợp (tối đa đến 31/1 năm sau)

- Vốn ngoài nước: là số vốn ngoài nước được kéo dài thanh toán như vốn trong nước (như vốn vay của Cơ quan phát triển Pháp AFD...)

Cột 6: vốn tạm ứng theo chế độ còn lại chưa thu hồi đến 31/1 năm sau.

Ngày . . .tháng. . . năm

Chủ đầu tư

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày . . .tháng. . . năm

Kho bạc nhà nước

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)